TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2018/HSST
Ngày: 16-11-2018.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Long.

2. Ông Dương Văn Quí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Liễu, Kiểm sát viên.

Trong ngày16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 144/2018/HSST ngày 19 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2018/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn C, sinh ngày 11 tháng 12 năm 1987, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: 50/3 đường T, Phường K, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi tạm trú: Nhà không số, tổ 16A, ấp D2, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn B và bà: Nguyễn Thị G; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/7/2018 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Trần Văn C, sinh năm 1993; nơi thường trú: Thôn N, xã D, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi ở hiện nay: Nhà không số, tổ 44, ấp N2, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lê Văn T, sinh năm 1972; địa chỉ: 186/5A ấp TT, xã H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

2. Bà Trần Thị Kim N, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 48/20/12, tổ 51, khu phố T, phường T, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 08/7/2018, Nguyễn Văn C điều khiển xe máy biển số 52Z4-4281 chở Lê Văn T về hướng cầu An Hạ. Do gặp mưa nên C ghé vào tiệm tạp hóa tại số 4/B33 ấp N2, xã T, huyện H do bà Phạm Thị Thu S làm chủ để trú mưa và gọi mì gói ăn. Trong lúc chờ nấu mì, C lấy xe máy đi mua áo mưa khoảng 05 phút sau quay lại. Lúc này, C thấy trước tiệm có 01 xe máy hiệu W biển số 36R2-7842 của Trần Văn C dựng có cắm sẵn chìa khóa trên xe nên nảy sinh ý định trộm cắp. Do thấy không có ai quan sát nên C dựng xe máy của mình sát bên và leo lên xe 36R2-7842 bật công tắc nổ máy tẩu thoát. Trong khi tẩu thoát thì C có la lớn kêu T đi đi. Sau đó, T đứng dậy ra cửa thì bị chủ quán phát hiện giữ lại báo chính quyền. Qua truy xét bắt giữ được C cùng vật chứng.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) xe gắn máy nhãn hiệu W, màu xanh-xám-đen, số khung RLHJC4312AY003606; số máy JC43E-1204799, gắn biển số 81B1-547.12;

- 01 (một) biển số xe 36R2-7842;

- 01 sim Vietnam Mobi số seri 89840518;141674311; 01 sim Viettel Mobi số seri 8984048704022202504; 01 cọng dây ràng dài khoảng 2,5m màu nâu có hai móc hai bên đầu; 01 con dao răng cưa cán bằng gỗ, lưỡi bằng thép dài khoảng 40cm (cán dài khoảng 20cm, lưỡi khoảng 20cm);

- 01 xe gắn máy nhãn hiệu S, màu xanh, biển số 52Z4-4281, số máy 149530-E432VN, số khung 040149530-L.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 137/2018 ngày 12/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự huyện Hóc Môn, kết quả định giá như sau: 01 (một) xe mô tô hiệu W biển số 36R2-7842, số tiền: 8.500.000đ (tám triệu năm trăm ngàn đồng).

Tại bản cáo trạng số 136/CT-VKS-HS ngày 08/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn C về tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội "Trộm cắp tài sản";

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt từ 06 đến 09 tháng tù;

- Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại là ông Trần Văn C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét;

- Về vật chứng của vụ án:

+ Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) sim Vietnam Mobi số seri 89840518;141674311; 01 (một) sim Viettel Mobi số seri 8984048704022202504; 01 (một) cọng dây ràng dài khoảng 2,5m, màu nâu, có hai móc hai bên đầu; 01 (một) con dao răng cưa cán bằng gỗ, lưỡi bằng thép dài khoảng 40cm (cán dài khoảng 20cm, lưỡi khoảng 20cm);

+ Giao 01 (một) xe gắn máy nhãn hiệu S, màu xanh, biển số 52Z4-4281, số máy 149530-E432VN, số khung 040149530-L cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Hóc Môn tiếp tục đăng báo truy tìm chủ sở hữu theo quy định chung.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Hóc Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 08/7/2018, tại địa chỉ số 4/B33 ấp NT2, xã T, huyện H, bị cáo Nguyễn Văn C đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là xe gắn máy nhãn hiệu W, biển số 36R2-7842 của ông Trần Văn C có giá trị là 8.500.000đ (tám triệu năm trăm ngàn đồng). Hành vi của bị cáo có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[3] Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự của xã hội nên cần có một hình phạt nghiêm khắc để răn đe giáo dục bị cáo.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là phù hợp.

[5] Về vật chứng của vụ án:

- 01 (một) xe gắn máy nhãn hiệu W, màu xanh-xám-đen, số khung RLHJC4312AY003606; số máy JC43E-1204799 và 01 (một) biển số xe 36R2-7842, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn đã Quyết định xử lý vật chứng trả cho bị hại là ông Trần Văn C (bút lục 152), Hội đồng xét xử không xem xét;

- 01 (một) sim Vietnam Mobi số seri 89840518;141674311; 01 (một) sim Viettel Mobi số seri 8984048704022202504; 01 (một) cọng dây ràng dài khoảng 2,5m, màu nâu có hai móc hai bên đầu; 01 (một) con dao răng cưa cán bằng gỗ, lưỡi bằng thép, dài khoảng 40cm (cán dài khoảng 20cm, lưỡi khoảng 20cm). Các vật chứng này là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Lê Văn T. Ông T có lời khai không yêu cầu nhận lại tài sản, đồng thời các tài sản này không có giá trị nên quyết định tịch thu và tiêu hủy là phù hợp.

- 01 xe gắn máy nhãn hiệu S, màu xanh, biển số 52Z4-4281, số máy 149530-E432VN, số khung 040149530-L do chị dâu của Lê Văn T tên Trần Thị Kim N mua lại vào năm 2015 nhưng không làm giấy tờ. Sau đó, bà N sử dụng đến ngày 08/7/2018 thì T mượn để đi mua phế liệu và đưa cho bị cáo C điều khiển. Qua xác minh chiếc xe này do Trương Thị Hoàng T (địa chỉ 39/1 khu phố 2, phường P, Quận Q) đứng tên chủ sở hữu, nhưng bà T đã bán nhà cùng gia đình sinh sống ở đâu không rõ. Ngày 03/10/2018, Cơ quan CSĐT Công an huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã đăng báo truy tìm chủ sở hữu nhưng đến nay vẫn chưa có người nào đến liên hệ giải quyết. Hội đồng xét xử quyết định giao cho Cơ quan điều tra công an huyện Hóc Môn tiếp tục đăng báo truy tìm chủ sở hữu theo quy định chung.

- Biển số xe 81B1-547.12, bị cáo khai nhặt được và gắn vào xe vừa chiếm đoạt. Kết quả xác minh chiếc xe mang biển số 81B1-547.12 đứng tên chủ sở hữu là ông Nguyễn T (địa chỉ 55 TBH, huyện P, Gia Lai). Ông T mua tháng 12/2014. Đến khoảng tháng 02/2015 thị bị mất trộm khu vực phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Hóc Môn đã giao cơ quan CSĐT Công an quận Tân Phú để thụ lý giải quyết theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Bị hại là ông Trần Văn C đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội Đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nghĩa vụ chịu án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật hình sự;

- Áp dụng Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/7/2018.

3. Xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) sim Vietnam Mobi số seri 89840518;141674311; 01 (một) sim Viettel Mobi số seri 8984048704022202504; 01 (một) cọng dây ràng dài khoảng 2,5m, màu nâu, có hai móc hai bên đầu; 01 (một) con dao răng cưa cán bằng gỗ, lưỡi bằng thép dài khoảng 40cm (cán dài khoảng 20cm, lưỡi khoảng 20cm);

3.2. Giao 01 (một) xe gắn máy nhãn hiệu S, màu xanh, biển số 52Z4-4281, số máy 149530-E432VN, số khung 040149530-L cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Hóc Môn tiếp tục đăng báo truy tìm chủ sở hữu theo quy định chung.

4. Bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- VKSND TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Cơ quan điều tra Công an H.Hóc Môn;
- Chi cục Thi hành án DS H.Hóc Môn;
- Nhà tạm giữ Công an H.Hóc Môn;
- UBND xã T, H.H;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thương

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Thương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Châu

2. Ông Nguyễn Thành Thông

Căn cứ vào Điều 199 và Điều 222 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Vào hồi …. giờ …… phút, ngày 21 tháng 4 năm 2016. Tại phòng nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án đối với vụ án Lê Kim Phương bị truy tố về tội "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

1. Về tội danh:

Bị cáo Lê Kim Phương phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Kết quả biểu quyết: …….. thành viên biểu quyết thống nhất.

2. Về điều luật áp dụng:

Áp dụng Khoản 1 Điều 138; Điểm h, p Khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự,

Kết quả biểu quyết: …….. thành viên biểu quyết thống nhất.

3. Về mức hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo Lê Kim Phương……..

Kết quả biểu quyết: ……. thành viên biểu quyết thống nhất.

4. Về các vấn đề khác:

Áp dụng Điều 98, Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án,

Án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải chịu là 200.000 đ (hai trăm nghìn) đồng.

Áp dụng Điều 231, 234 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người tham gia tố tụng khác vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết.

Kết quả biểu quyết:..... thành viên biểu quyết thống nhất.

Biên bản kết thúc lúc giờ phút cùng ngày./.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa**